TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 907/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 08-10-2018
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Cao

Các Thẩm phán: Ông Lê Thọ Viên

Bà Nguyễn Lê Thiên Hương

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Văn Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh*** *tham gia phiên tòa:* Bà Đinh Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2018/TLPT-HNGĐ, ngày 06 tháng 7 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn".

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 204/2018/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3603/2018/QĐ-PT ngày 14/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 7329/2018/QĐ-PT ngày 11/9/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phan Thanh T, sinh năm 1978 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ thường trú: Ấp A, xã H, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N ngày 14/6/2018.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/01/2018 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Phan Thanh T trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị L tự nguyện sống chung từ năm 2008, đến năm 2010 thì đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 33, ngày 06/4/2010.

Ông và bà L chung sống được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn tôn trọng lẫn nhau do tính tình, quan điểm sống và cách sống giữa các bên không phù hợp. Bà L thường bỏ nhà đi về nhà mẹ của bà ở Hậu Giang sinh sống. Đến năm 2013, thì bà L tự sống ly thân và bỏ nhà đi không rõ ở đâu. Ông không còn tình cảm với bà L, ông yêu cầu ly hôn bà L để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Phan Thanh Anh D (nam), sinh ngày 24/01/2009, hiện nay bà L đang trực tiếp nuôi dưỡng, ông đề nghị giao trẻ D cho bà L nuôi dưỡng và tạm thời, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T khai không có.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án cấp sơ thẩm tống đạt hợp lệ nhưng bà L vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên không rõ yêu cầu của bà L.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 204/2018/HNGĐ-ST ngày 28/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35 và Điều 39; khoản 3 Điều 228 và Điều 266, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng: Các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng: Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ vợ chồng: Ông Phan Thanh T được ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Phan Thanh Anh D (nam), sinh ngày 24/01/2009, giao cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con nếu sau này bà L có yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết trong vụ kiện khác.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Nếu sau này, bà L có yêu cầu sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên những vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của ông T, bà L đối với trẻ D… quyền thỏa thuận thi hành án, người chịu án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/6/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐKNPT-DS, kháng nghị bản án sơ thẩm trên với nội dung: Yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ

thẩm, vì cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng không áp dụng Điều 180 của BLTTDS năm 2015 (không thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để đảm bảo quyền cho đương sự) trong vụ án này là không đúng. Bởi lẽ: Văn phòng Thừa phát lại tống đạt các giấy triệu tập cho bị đơn là bà L tại nơi bị đơn cư trú thì nhà đã bị giải tỏa, không rõ bà L đang ở đâu? không có người đủ điều kiện đồng ý nhận thay, việc tống đạt không thành.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N nêu trên và đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm vì cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Nguyên đơn là ông Phan Thanh T đề nghị y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Bị đơn là bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng bà L vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà L theo thủ tục chung.

[2] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 06/4/2010 của Ủy ban nhân dân xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè cấp cho ông Phan Thanh T và bà Nguyễn Thị L thì đủ cơ sở khẳng định hôn nhân giữa ông T và bà L là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Theo lời khai của ông T: Sau khi ông và bà L đăng ký kết hôn năm 2010 thì ông và bà L thường phát sinh mâu thuẫn và bà L thường bỏ nhà đi về nhà mẹ của bà ở Hậu Giang sinh sống. Đến năm 2013, thì bà L bỏ nhà đi không rõ ở đâu và năm 2017 căn nhà Ấp A, xã H bị giải tỏa. Ông T có gửi đơn và được Công an xã H, huyện N xác nhận ngày 02/4/2018, với nội dung: Ông T và bà L và trẻ D thường trú tại địa chỉ Ấp A, xã H, huyện N. Từ năm 2013, bà L dẫn trẻ D bỏ nơi cư trú trên đi đâu không rõ cho đến nay.

[3.2] Tại biên bản tống đạt và niêm yết trong các ngày 25/01/2018, ngày 14/3/2018, ngày 13/4/2018, ngày 11/5/2018 và ngày 08/6/2018, Văn phòng Thừa phát lại huyện Bình Chánh đã tống đạt các giấy triệu tập cho bị đơn là bà L tại địa chỉ nơi bị đơn cư trú Ấp A, xã H, huyện N có ghi: Căn nhà trên đã bị giải tỏa, không rõ bà L đang ở đâu? không có người đủ điều kiện đồng ý nhận thay, việc tống đạt không thành.

[4] Xét thấy: Trong vụ án này, cấp sơ thẩm phải áp dụng Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của Điều này mới đảm bảo quyền lợi cho đương sự, vì có căn cứ xác định là việc niêm yết công khai không đảm bảo cho người được cấp, tống đạt, thông báo nhận được thông tin về văn bản cần được cấp, tống đạt, thông báo.

Cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện N và lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Xử:

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 204/2018/HNGĐ-ST ngày 28/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử lại theo trình tự sơ thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND huyện N, TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chí Cao